

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 8 tháng 1 năm 2013.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Nguyễn Văn Thìn Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Đinh Quang Hải Ông Nguyễn Hồng Tiến	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban kiểm soát	Bà Hoàng Thanh Vân Bà Nguyễn Thanh Thủy Ông Dương Thế Quang	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Tiến Ông Bùi Như Thương	Giám đốc Kế toán trưởng
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Hồng Tiến	Giám đốc
Trụ sở chính	Công ty có trụ sở chính tại khu 6, Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Phú Thọ, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 và 2.16 của báo cáo tài chính cho thấy trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bị ghi nhận thiếu 3.041.612.000 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.777.124.000 đồng Việt Nam).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 1 tháng 2 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Họ tên: Richard Peters
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1043
TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2014

Họ tên: Đào Duy Hoàng
Số Giấy chứng nhận
ĐKHN kiểm toán: 2589-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

			Tại ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2013 VNĐ	2012 VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.544.390.128	102.442.905.983
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.253.799.396	39.895.562.248
111	Tiền		6.253.799.396	6.895.562.248
112	Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	33.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		15.154.217.461	20.052.707.126
131	Phải thu khách hàng	5	14.751.483.443	20.328.560.866
132	Trả trước cho người bán		605.500.000	188.000.000
135	Các khoản phải thu khác	6	1.577.441.767	1.316.354.009
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.780.207.749)	(1.780.207.749)
140	Hàng tồn kho		53.422.182.017	42.430.606.586
141	Hàng tồn kho	7	53.422.182.017	42.430.606.586
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.714.191.254	64.030.023
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.482.209.713	28.527.748
158	Tài sản ngắn hạn khác		231.981.541	35.502.275
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		55.120.156.501	57.973.574.037
220	Tài sản cố định		42.016.729.626	46.306.555.350
221	Tài sản cố định hữu hình	8	42.016.729.626	46.306.555.350
222	Nguyên giá		191.376.623.530	190.452.511.350
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(149.359.893.904)	(144.145.956.000)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.530.500.000	8.530.500.000
258	Đầu tư dài hạn khác	9	8.530.500.000	8.530.500.000
260	Tài sản dài hạn khác		4.572.926.875	3.136.518.687
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	4.145.658.472	2.720.321.843
268	Tài sản dài hạn khác		427.268.403	416.196.844
270	TỔNG TÀI SẢN		162.664.546.629	160.416.480.020

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)
300	NỢ PHẢI TRẢ		81.942.101.203	91.202.127.308
310	Nợ ngắn hạn		81.942.101.203	78.731.088.446
312	Phải trả người bán	11	9.035.228.803	15.039.842.033
313	Người mua trả tiền trước		498.811.087	193.221.802
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	47.846.546.253	52.904.370.623
315	Phải trả người lao động		1.759.816.923	2.347.168.384
316	Chi phí phải trả	13	4.513.110.648	3.318.699.855
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	17.241.636.083	3.476.404.465
323	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.046.951.406	1.451.381.284
330	Nợ dài hạn		-	12.471.038.862
333	Phải trả dài hạn khác	15	-	12.471.038.862
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.722.445.426	69.214.352.712
410	Vốn chủ sở hữu		80.722.445.426	69.214.352.712
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	30.000.000.000	30.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	17	12.797.111.101	10.721.989.700
418	Quỹ dự phòng tài chính	17	3.000.000.000	3.000.000.000
420	Lợi nhuận chưa phân phối	17,18	34.925.334.325	25.492.363.012
440	TỔNG NGUỒN VỐN		162.664.546.629	160.416.480.020

Hoàng Thị Bình
Người lập

Bùi Như Thương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 02 – DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	377.253.514.013	443.593.646.098
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	19	(133.037.900.041)	(142.380.428.316)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		244.215.613.972	301.213.217.782
11	Giá vốn hàng bán	20	(204.849.442.468)	(251.105.939.655)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.366.171.504	50.107.278.127
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.373.562.335	4.505.676.424
22	Chi phí tài chính	22	(299.773.825)	(1.197.890.756)
	- Trong đó: Lãi vay phải trả		-	(336.299.104)
24	Chi phí bán hàng	23	(8.487.387.895)	(6.971.079.882)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(9.561.386.087)	(10.647.417.405)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.391.186.032	35.796.566.508
31	Thu nhập khác	25	1.632.279.052	2.174.522.087
32	Chi chi khác	25	(770.229.099)	(809.091.182)
40	Lợi nhuận khác		862.049.953	1.365.430.905
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.253.235.985	37.161.997.413
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(6.502.021.975)	(9.478.180.509)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.751.214.010	27.683.816.904
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	6.917	9.228

Hoàng Thị Bình
Người lập

Bùi Như Thương
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.


CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	27.253.235.985	37.161.997.413
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	6.874.504.428	6.791.446.525
03	Các khoản dự phòng	-	691.652.517
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.848.040.617)	(4.511.035.040)
06	Chi phí lãi vay	299.773.825	336.299.104
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	28.579.473.621	40.470.360.519
09	Giảm các khoản phải thu	4.690.938.840	3.614.613.760
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(10.991.575.430)	20.864.296.555
11	Giảm các khoản phải trả	(11.444.664.552)	(3.402.787.832)
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(3.648.107.034)	114.666.955
13	Tiền lãi vay đã trả	(199.615.620)	(47.458.318)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.679.925.715)	(15.788.863.946)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	939.732.000	718.542.920
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.785.325.894)	(2.547.120.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.539.069.784)	43.996.250.613
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(2.833.839.255)	(327.540.995)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	492.727.273	17.468.181
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(1.030.500.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	10.041.955.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.373.562.335	1.370.377.091
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	3.032.450.353	10.071.759.277
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	4.881.417.646
34	Chi trả nợ gốc vay	-	(4.881.417.646)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	(4.135.143.421)	(24.053.643.053)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(4.135.143.421)	(24.053.643.053)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.641.762.852)	30.014.366.837
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 39.895.562.248	9.881.195.411
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 36.253.799.396	39.895.562.248


Hoàng Thị Bình
Người lập


Bùi Như Thương
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 28 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600114002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2007.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu, phụ tùng hàng hóa, sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Thi công xây lắp, cải tạo, sửa chữa công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cồn, rượu, bia, nước giải khát;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Nhà máy Bia Sài Gòn – Mê Linh
- Nhà máy Cồn, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

Công ty có trụ sở chính tại khu 6, Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 252 nhân viên (2012: 270 nhân viên)

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Công ty không lập dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN do Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 3 tháng 12 năm 2013.

Ảnh hưởng của việc áp dụng Công văn này trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Công ty ghi nhận thiếu khoản dự phòng trợ cấp thôi việc số tiền là 3.041.612.000 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.777.124.000 đồng Việt Nam).

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

- (i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.11 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.13 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.14 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.

Theo Luật Lao động Việt Nam và Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

2.17 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.18 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

3 ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Sau khi phát hành báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hiện sai sót trên báo cáo tài chính và đã thực hiện một số điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bảng cân đối kế toán (trích dẫn)

Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Theo báo cáo năm trước VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Sau khi điều chỉnh lại VND
Tài sản ngắn hạn			
Hàng tồn kho			
Tại ngày 1/1/2012	1 65.373.676.191	(2.078.773.050)	63.294.903.141
Tại ngày 31/12/2012	1 45.166.402.824	(2.735.796.238)	42.430.606.586
Tổng tài sản ngắn hạn	105.178.702.221	(2.735.796.238)	102.442.905.983
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
Tại ngày 1/1/2012	1 59.974.496.526	-	59.974.496.526
Tại ngày 31/12/2012	1 53.068.626.420	(164.255.797)	52.904.370.623
Tổng Nợ phải trả	91.366.383.105	(164.255.797)	91.202.127.308
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
Tại ngày 1/1/2012	1 31.522.636.018	(2.078.773.050)	29.443.862.968
Tại ngày 31/12/2012	1 28.063.903.453	(2.571.540.441)	25.492.363.012
Tổng vốn chủ sở hữu	71.785.893.153	(2.571.540.441)	69.214.352.712

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

3 ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích dẫn)

	Ghi chú	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
		Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Sau khi điều chỉnh lại VNĐ
Giá vốn hàng bán	1	250.448.916.467	657.023.188	251.105.939.655
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1	9.642.436.306	(164.255.797)	9.478.180.509
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.176.584.295	(492.767.391)	27.683.816.904

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trích dẫn)

	Ghi chú	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
		Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Sau khi điều chỉnh lại VNĐ
Giảm lợi nhuận trước thuế	1	37.819.020.601	(657.023.188)	37.161.997.413
Tăng hàng tồn kho	1	20.207.273.367	657.023.188	20.864.296.555

Chú thích 1: Điều chỉnh này liên quan đến việc Công ty rà soát lại giá vốn của hàng bán thành phẩm và phát hiện số dư của hàng bán thành phẩm tại thời điểm 31/12/2012 cao hơn so với thực tế 2.735.796.238 đồng, trong đó riêng trong năm 2012 phần chênh lệch này là 657.023.188 đồng. Công ty cũng điều chỉnh lại chi phí thuế trong năm 2012 giảm 164.255.797 đồng liên quan đến điều chỉnh giá vốn ở trên.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền mặt	381.804.092	542.750.037
Tiền gửi ngân hàng	5.871.995.304	6.352.812.211
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	33.000.000.000
	36.253.799.396	39.895.562.248

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tính từ ngày gửi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ bên thứ ba	1.256.621.163	1.278.203.520
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 29 (b))	13.494.862.280	19.050.357.346
	<u>14.751.483.443</u>	<u>20.328.560.866</u>

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu UBND Tỉnh Phú Thọ về chi phí san lấp mặt bằng	493.769.000	493.769.000
Phải thu phát sinh từ trước khi Cổ phần hóa	722.913.726	722.913.726
Phải thu về lãi dự thu	-	93.333.333
Phải thu khác	360.759.041	6.337.950
	<u>1.577.441.767</u>	<u>1.316.354.009</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	3.899.181.610	6.847.848.361
Công cụ, dụng cụ	14.590.863.427	17.399.558.813
Chi phí SXKD dở dang	9.673.358.666	9.111.241.026
Thành phẩm	25.048.536.765	9.017.885.048
Hàng gửi đi bán	210.241.549	54.073.338
	<u>53.422.182.017</u>	<u>42.430.606.586</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	30.136.511.594	153.562.326.530	6.121.576.429	591.919.871	40.176.926	190.452.511.350
Mua trong năm	1.045.426.530	512.307.271	1.243.579.090	32.526.364	-	2.833.839.255
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(39.245.082)	(441.102.026)	-	(284.492.431)	(40.176.926)	(805.016.465)
Thanh lý, nhượng bán	-	(525.900.000)	(490.298.010)	(88.512.600)	-	(1.104.710.610)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	31.142.693.042	153.107.631.775	6.874.857.509	251.441.204	-	191.376.623.530
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	16.573.052.018	123.492.105.219	3.515.903.113	527.171.565	37.724.085	144.145.956.000
Khấu hao trong năm	1.492.630.974	4.860.427.492	501.374.184	18.618.231	1.453.547	6.874.504.428
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(39.245.082)	(277.424.806)	-	(218.257.385)	(39.177.632)	(574.104.905)
Thanh lý, nhượng bán	-	(507.651.009)	(490.298.010)	(88.512.600)	-	(1.086.461.619)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	18.026.437.910	127.567.456.896	3.526.979.287	239.019.811	-	149.359.893.904
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	13.563.459.576	30.070.221.311	2.605.673.316	64.748.306	2.452.841	46.306.555.350
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	13.116.255.132	25.540.174.879	3.347.878.222	12.421.393	-	42.016.729.626

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 2 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC (Thuyết minh 10)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 101.274.981.030 đồng (2012: 101.805.050.474 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	2013		2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VNĐ
Đầu tư vào Công ty CP Bia SG-Phú Thọ	853.050	8.530.500.000	853.050	8.530.500.000

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	2.362.038.247	2.259.350.820
Chi phí sửa chữa	250.496.997	123.375.000
Phụ tùng thay thế cho máy móc sản xuất	31.261.137	70.988.876
Công cụ, dụng cụ khác	1.501.862.091	266.607.147
	<u>4.145.658.472</u>	<u>2.720.321.843</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	2.720.321.843	2.428.791.187
Mua trong năm	4.322.931.079	1.377.705.670
Tăng do chuyển từ TSCĐ (Thuyết minh 8)	227.317.206	-
Phân bổ trong năm	(3.124.911.656)	(1.086.175.014)
	<u>4.145.658.472</u>	<u>2.720.321.843</u>

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả từ bên thứ ba	2.299.393.426	1.474.591.218
Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	6.735.835.377	13.565.250.815
	<u>9.035.228.803</u>	<u>15.039.842.033</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế		
Thuế GTGT	2.710.144.425	3.367.880.647
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.410.294.838	46.717.127.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.393.506.970	2.571.410.710
Các loại thuế khác	332.600.020	247.951.880
	<u>47.846.546.253</u>	<u>52.904.370.623</u>

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Trích trước chi phí bản quyền Henninger	1.300.721.778	1.236.577.788
Trích trước các khoản chi phí tài chính	1.204.208.709	1.098.274.254
Trích trước tiền lương nhân viên	499.578.071	340.061.872
Trích trước tiền điện	118.009.580	-
Trích trước chi phí phải trả khác	1.390.592.510	643.785.941
	<u>4.513.110.648</u>	<u>3.318.699.855</u>

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	80.722.994	64.305.641
Bảo hiểm xã hội	148.744.871	88.232.047
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	3.715.718.640	2.893.312.640
Cổ tức năm phải trả	751.396.190	386.539.611
Phải trả Quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp (*) (Thuyết minh 15)	12.471.038.862	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	74.014.526	44.014.526
	<u>17.241.636.083</u>	<u>3.476.404.465</u>

(*) Số tiền thu từ bán cổ phiếu Công ty phải trả lại cho nhà nước từ thời điểm cổ phần hóa ngày 1 tháng 4 năm 2007. Công ty có kế hoạch thanh toán khoản nợ này trong năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
15 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả Quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp (Thuyết minh 14)	-	12.471.038.862

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2013		2012	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	3.000.000	-	3.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	3.000.000	-	3.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2013		2012	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty bia, rượu và nước giải khát Sài Gòn	15.370.500.000	51%	15.370.500.000	51%
Công ty Cổ phần rượu Bình Tây	1.500.000.000	5%	1.500.000.000	5%
Vốn góp của các đối tượng khác	13.129.500.000	44%	13.129.500.000	44%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA, RƯỢU SÀI GÒN - ĐỒNG XUÂN

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	30.000.000.000	7.904.331.270	3.000.000.000	31.522.636.018	72.426.967.288
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.605.043.854	25.605.043.854
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.817.658.430)	(2.817.658.430)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.817.658.430	-	(2.817.658.430)	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	30.000.000.000	10.721.989.700	3.000.000.000	25.492.363.012	69.214.352.712
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.751.214.010	20.751.214.010
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.075.121.401)	(2.075.121.401)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.075.121.401	-	(2.075.121.401)	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(2.667.999.895)	(2.667.999.895)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	30.000.000.000	12.797.111.101	3.000.000.000	34.925.334.325	80.722.445.426

(*) Giảm khác liên quan đến việc doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận trong năm để chia thưởng cho cán bộ công nhân viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2013	2012
Lợi nhuận sau thuế TNDN	20.751.214.010	27.683.816.904
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông có CPPT	20.751.214.010	27.683.816.904
CPPT đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>6.917</u>	<u>9.228</u>

19 DOANH THU

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	<u>377.253.514.013</u>	<u>443.593.646.098</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	1.214.053.714	240.455.480
Hàng bán bị trả lại	81.997.032	90.551.300
Thuế tiêu thụ đặc biệt	<u>131.741.849.295</u>	<u>142.049.421.536</u>
	133.037.900.041	142.380.428.316
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>244.215.613.972</u>	<u>301.213.217.782</u>

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Sản phẩm Rượu	13.085.068.722	16.534.031.267
Sản phẩm Bia	184.476.373.962	209.575.765.457
Sản phẩm Cồn	5.509.612.544	24.996.142.931
Bao bì	1.778.387.240	-
	<u>204.849.442.468</u>	<u>251.105.939.655</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
21 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.387.887.335	610.671.424
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.985.675.000	853.050.000
Lãi bán cổ phiếu quỹ Sabeco	-	3.041.955.000
	<u>5.373.562.335</u>	<u>4.505.676.424</u>

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	299.773.825	336.299.104
Chiết khấu thanh toán	-	793.771.167
Chi phí tài chính khác	-	67.820.485
	<u>299.773.825</u>	<u>1.197.890.756</u>

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nhân viên bán hàng	2.012.131.283	1.052.010.742
Chi phí vật liệu	832.466.177	695.757.841
Chi phí khấu hao TSCĐ	191.896.703	138.675.048
Chi phí bảo quản sản phẩm	27.817.195	33.630.285
Chi phí thuê kho	-	32.727.300
Chi phí vận chuyển, bốc vác	965.693.426	842.044.797
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	4.115.164.423	3.635.003.506
Chi phí khác	342.218.688	541.230.363
	<u>8.487.387.895</u>	<u>6.971.079.882</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí khấu hao TSCĐ	520.273.000	416.650.806
Chi phí dự phòng	75.519.600	1.066.469.939
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	3.848.158.592	3.785.771.731
Thuế và lệ phí	861.804.443	1.143.787.652
Chi phí vật liệu văn phòng	834.251.874	236.324.185
Dịch vụ mua ngoài	563.332.557	308.965.693
Chi phí khác	2.858.046.021	3.689.447.399
	<u>9.561.386.087</u>	<u>10.647.417.405</u>

25 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý phế phẩm	107.506.500	537.889.722
Thanh lý tài sản cố định	492.727.273	17.468.181
Các thu nhập khác	1.032.045.279	1.619.164.184
	<u>1.632.279.052</u>	<u>2.174.522.087</u>
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản cố định	18.248.991	12.109.565
Thuế phải nộp ngân sách (*)	-	311.280.617
Các chi phí khác	751.980.108	485.701.000
	<u>770.229.099</u>	<u>809.091.182</u>
Thu nhập khác – Số thuần	<u>862.049.953</u>	<u>1.365.430.905</u>

(*) Thuế thu nhập phải nộp của năm 2011, phát sinh thêm theo điều chỉnh của Thanh Tra Thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

26 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% quy định trong Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty và được thể hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.253.235.985	37.161.997.413
Thuế tính ở thuế suất 25%	6.813.308.996	9.290.499.353
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(746.418.750)	(213.262.500)
Chi phí không được khấu trừ	435.131.729	400.943.656
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.502.021.975	9.478.180.509
Thuế thu nhập – hiện hành	6.502.021.975	9.478.180.509
Thuế thu nhập – hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.502.021.975	9.478.180.509

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.768.014.525	209.789.498.772
Chi phí nhân công	18.468.306.269	19.010.289.519
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.874.504.428	6.791.446.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.332.557	308.965.693
Các chi phí khác bằng tiền	14.385.346.946	17.903.734.458
	<u>235.059.504.725</u>	<u>253.803.934.967</u>

28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

28 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty không có số dư trên sổ tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013 liên quan đến ngoại tệ. Công ty không chịu rủi ro phát sinh từ việc thay đổi giá trị đồng ngoại tệ.

(ii) Rủi ro về giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào.

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có khoản vay nào tại thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả khách hàng	9.035.228.803	-	-
Người mua đặt tiền trước	498.811.087	-	-
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	21.754.746.731	-	-
	<u>31.288.786.621</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả khách hàng	15.039.842.033	-	-
Người mua đặt tiền trước	193.221.802	-	-
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	6.795.104.320	12.471.038.862	-
	<u>22.028.168.155</u>	<u>12.471.038.862</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Bán hàng hóa và dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	330.357.986.915	382.082.625.650
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	3.515.106.537	132.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	-	15.537.852
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	5.390.000	-
	<u>333.878.483.452</u>	<u>382.230.163.502</u>

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn	141.196.049.398	163.338.866.332
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	2.695.000	3.564.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nam	-	230.921.189
Công ty Cổ phần TM Sabeco Miền Bắc	133.402.500	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	410.929.750	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	1.363.246.202	-
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Sabeco	52.835.909	43.862.500
Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	1.804.000.000	1.020.872.160
	<u>144.963.158.759</u>	<u>164.638.086.181</u>

iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>1.215.823.080</u>	<u>1.068.141.380</u>

iv) Các giao dịch khác

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Trả cổ tức cho các bên liên quan		
Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn	2.305.575.000	12.296.400.000
Công ty Cổ phần rượu Bình Tây	-	1.200.000.000
	<u>2.305.575.000</u>	<u>13.496.400.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

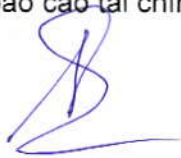
b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Góp vốn vào công ty		
Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn	15.370.500.000	15.370.500.000
Công ty Cổ phần rượu Bình Tây	1.500.000.000	1.500.000.000
	<u>16.870.500.000</u>	<u>16.870.500.000</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)		
Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn	6.015.480	6.015.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	-	15.537.852
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	-	132.000.000
Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	13.488.846.800	18.896.804.014
	<u>13.494.862.280</u>	<u>19.050.357.346</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả người bán (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Lý	22.060.500	-
Tổng Công ty bia, rượu nước giải khát Sài Gòn	6.713.774.877	13.565.250.815
	<u>6.735.835.377</u>	<u>13.565.250.815</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần rượu Bình Tây	225.000.000	-
	<u>225.000.000</u>	<u>-</u>

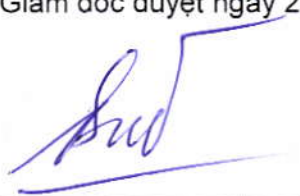
30 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 25 tháng 2 năm 2014.



Hoàng Thị Bình
Người lập



Bùi Như Thường
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc